

Bản án số: 355/2023/HS-ST
Ngày: 31/7/2023

**NHA DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHA DA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Uyên Thy.

Thẩm phán: Bà Mai Trần Cảnh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Huỳnh Trường Sơn
2. Bà Lê Thị Xuân Lang
3. Ông Trần Trung Tính

- Thư ký phiên tòa: Ông Lý L2 Trọng Nghĩa - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhA dA Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Mai Hoàn Đông - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhA dA Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 374/2023/TLST-HS ngày 19/05/2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2695/2023/QĐXXST-HS ngày 06/7/2023 và tuyên án vào ngày 31/7/2023, đối với các bị cáo:

1. Nguyễn H Q; giới tính: nam; sinh ngày: 02/01/1978, tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú: 157 đường số 5, phường Phước B, Quận B3, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Nguyên Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Forex Toàn cầu; trình độ học vấn: 12/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; con ông Nguyễn Văn M và bà H Thị Ng; có vợ và 02 con sinh (lớn sinh năm 2007, nhỏ sinh năm 2008); tiền án: không; tiền sự: không;

Bị tạm giam từ ngày 05/5/2020 (có mặt).

2. Bùi Huy H; giới tính: nam; sinh ngày: 22/6/1976, tại Thành phố Hồ Chí Minh; Hộ khẩu thường trú: 3 Đường 14, phường B, quận B3, Thành phố Hồ Chí Minh; Tạm trú: D16 - 03 Chung cư KhA2 Hội 2, số 360A BVĐ, phường C3, Quận D3, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Nguyên Giám đốc tài chính Công ty Cổ phần Forex Toàn cầu; trình độ học vấn: 12/12; Quốc tịch: Việt Nam; DA tộc: Kinh; tôn giáo: không; con ông Bùi Đăng N2 và bà Lương Thị L2; có vợ và 02 con sinh năm (lớn sinh năm 2012; nhỏ sinh năm 2017); tiền án: không; tiền sự: không;

Bị tạm giam từ ngày 12/10/2020 (có mặt).

- Người bào chữa:

1. Ông Nguyễn Minh Cảnh và bà Nguyễn Thị Thanh Thế, là Luật sư của Văn phòng Luật sư Nguyễn Minh Cảnh, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh, bào chữa cho bị cáo Nguyễn H Q (có mặt).

2. Ông Trần Việt Khiêm là Luật sư của Công ty Luật TNHH MTV LSK thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh, bào chữa cho bị cáo Bùi Huy H (có mặt).

- Bị hại:

1. Ông Phạm Thanh B, sinh năm: 1981 (vắng mặt)

Địa chỉ: 61 đường 5, khu phố 4, phường TP, quận B3, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bà Nguyễn Thị Ng, sinh năm: 1983 (vắng mặt)

Địa chỉ: 5C1, khu phố 4, phường BA, quận B3, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm: 1982 (vắng mặt)

Địa chỉ: 5C1, khu phố 4, phường BA, quận B3, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Ông La Vinh Tr, sinh năm: 1979 (vắng mặt)

Địa chỉ: 43 ĐDT, Phường 5, Quận G5, Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Bà Hà M, sinh năm: 1973 (vắng mặt)

Địa chỉ: 362/18/17 PHI, Phường E3, quận F3, Thành phố Hồ Chí Minh.

6. Bà Đinh Thị M1, sinh năm: 1971 (vắng mặt)

HKTT: 55 đường G4, khu phố 4, phường BA, quận B3, Thành phố Hồ Chí Minh

Địa chỉ: 13 đường G3, khu phố 4, phường BA, quận B3, Thành phố Hồ Chí Minh.

7. Ông Huỳnh Trần Thanh B, sinh năm: 1975 (có mặt)

HKTT: 100/1131 L2 Đức Thọ, Phường 17, quận GV, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ: 49/24 BDT, phường 24, quận H3, Thành phố Hồ Chí Minh.

8. Ông Phùng Trọng Th1, sinh năm: 1970 (vắng mặt)

Địa chỉ: 292/13 ĐNT, Phường 4, Quận I3, Thành phố Hồ Chí Minh.

9. Bà Lý Thị Trang Đ, sinh năm: 1970 (vắng mặt)

Địa chỉ: 204/7 Cao XuA Dục, Phường 12, Quận J3, Thành phố Hồ Chí Minh.

10. Ông Huỳnh H A, sinh năm: 1986 (vắng mặt)

HKTT: 447 TP, Phường 7, thành phố K3, tỉnh L3

Chỗ ở: 2/130 TP, Phường M3, quận TB, Thành phố Hồ Chí Minh.

11. Bà Châu Ngọc A2, sinh năm: 1961 (vắng mặt)

Địa chỉ: 490 LVL, phường TA, Quận P3, Thành phố Hồ Chí Minh.

12. Bà Lim Mỹ Ng, sinh năm: 1985 (vắng mặt)

Địa chỉ: 288 HTLQ, Phường Q3, Quận R3, Thành phố Hồ Chí Minh.

13. Ông Phan Hữu Trung K2, sinh năm: 1976 (vắng mặt)
Địa chỉ: 217/35/4/7 NTL, Phường 12, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh.
14. Ông Nguyễn Trung H2, sinh năm: 1983 (vắng mặt)
HKTT: 228 đường LT, phường LT, quận B3, Thành phố Hồ Chí Minh
Địa chỉ: 203/5 HTT, phường VT, thành phố NT, tỉnh Khánh Hòa.
Đại diện ủy quyền: Bà Võ H Y2, sinh năm: 1986 (có mặt)
HKTT: 228 đường LT, phường LT, quận B3, Thành phố Hồ Chí Minh.
Tạm trú: 1C đường 85, phường HP, quận B3, Thành phố Hồ Chí Minh.
15. Ông L2 Kim H2, sinh năm: 1976 (vắng mặt)
HKTT: 1F25 NTS, Phường T3, quận G3, Thành phố Hồ Chí Minh.
16. Bà Trần Thị Bích D2, sinh năm: 1974 (vắng mặt)
Địa chỉ: 82/106A LCT, phường VTS, Quận T3, Thành phố Hồ Chí Minh.
17. Ông Phạm Hồng Hải Q, sinh năm: 1983 (vắng mặt)
Địa chỉ: 141 HV, khóm 2, Phường 5, thành phố V3, tỉnh W3.
18. Bà Nguyễn Thị Bạch L2, sinh năm: 1977 (vắng mặt)
Địa chỉ: 9/4 NHT, Phường X3, quận Y3, Thành phố Hồ Chí Minh.
19. Bà Tăng Tổ Ng, sinh năm: 1981 (vắng mặt)
Địa chỉ: 165/28A2 VT, Phường 8, Quận M3, Thành phố Hồ Chí Minh.
20. Bà Nguyễn Thị Tuyết Th2, sinh năm: 1978 (vắng mặt)
Địa chỉ: 671/5 NK, Phường 9, quận PN, Thành phố Hồ Chí Minh.
21. Bà L2 Thị H2, sinh năm: 1973 (vắng mặt)
Địa chỉ: số 10, ngách 130/25 ĐN, quận BD, Thành phố Hà Nội.
22. Ông Bùi Quốc T2, sinh năm: 1985 (vắng mặt)
Địa chỉ: 56B, tổ 9, khu phố 12, phường AB, thành phố BH, tỉnh Đồng Nai.
23. Bà Trần Ngọc Y2, sinh năm: 1983 (vắng mặt)
Địa chỉ: 362/2 NTS, Phường 5, quận GV, Thành phố Hồ Chí Minh.
24. Bà Đỗ Thị Minh T2, sinh năm: 1962 (vắng mặt)
Địa chỉ: 306 LVS, Phường 14, Quận G3, Thành phố Hồ Chí Minh.
25. Bà Từ Thị Kim Ch2, sinh năm: 1975 (vắng mặt)
HKTT: 26/38/18 ĐQĐ, phường PNL, Quận A4, Thành phố Hồ Chí Minh.
Địa chỉ: 100/129/26 TQĐ, Phường 5, quận PN, Thành phố Hồ Chí Minh.
26. Bà Châu Mỹ H2, sinh năm: 1969 (có mặt).
HKTT: 21/56E TL, Phường 4, quận TB, Thành phố Hồ Chí Minh.
27. Ông Nguyễn Văn Đ2, sinh năm: 1986 (vắng mặt)

Địa chỉ: 09 ấp TA Hội, xã MT, thành phố VL, tỉnh Vĩnh Long.

28. Bà Trần Thủy Ng2, sinh năm: 1979 (có mặt)

Địa chỉ: 18/3A B4, phường C4, thành phố BH, tỉnh Đồng Nai.

29. Bà Lý Thị Kim H, sinh năm: 1963 (có mặt)

Địa chỉ: A6/22W ấp 1, xã D4, huyện E4, Thành phố Hồ Chí Minh.

30. Bà Võ H Y2, sinh năm: 1986 (có mặt)

HKTT: 228 đường LT, phường LT, quận B3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tạm trú: 1C đường 85, phường HP, quận B3, Thành phố Hồ Chí Minh.

31. Ông Bùi Thiên T2, sinh năm: 1963 (có mặt)

Địa chỉ: 496/9/10 DQH, Phường F4, quận GV, Thành phố Hồ Chí Minh.

32. Ông Nguyễn Minh T2, sinh năm: 1987 (vắng mặt)

HKTT: số 12, đường 71, phường TQ, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Địa chỉ: 31 đường 15B, phường Phú Mỹ, quận B3, Thành phố Hồ Chí Minh.

33. Bà Phạm Thị Tổ L2, sinh năm: 1980 (vắng mặt)

Địa chỉ: 20 ngách 69, ngõ 117, đường Thái Hà, phường Trung Liệt, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

34. Ông Phạm Thanh Nh2, sinh năm: 1978 (có mặt)

Địa chỉ: 131/39 THT, Phường 13, Quận G5, Thành phố Hồ Chí Minh.

35. Ông Nguyễn Trường S2, sinh năm: 1958 (chết)

Người đại diện: bà Trịnh Thị Ngọc Tr3 (vắng mặt)

Địa chỉ: 102/46 đường 100 BT, Phường 14, Quận G6, Thành phố Hồ Chí Minh.

36. Ông Vũ H Quốc T2, sinh năm: 1970 (vắng mặt)

Địa chỉ: 95/237 NTT, Phường 12, quận TB, Thành phố Hồ Chí Minh.

37. Bà Trịnh Thị Minh O2, sinh năm: 1961 (vắng mặt)

Địa chỉ: 102 LTHG, thành phố PT, tỉnh Bình Thuận.

38. Ông Phạm Kim T2 (vắng mặt)

HKTT: 63/301 Đ2, phường BN, Quận B3, Thành phố Hồ Chí Minh;

Địa chỉ: 187/15 đường BĐ, Phường 2, quận TB, Thành phố Hồ Chí Minh.

39. Ông Lê Mạnh N4(vắng mặt)

HKTT: số 5 nhà E, TT KHXH, phường CV, quận BĐ, Thành phố Hà Nội

Địa chỉ: số B5 ngõ A5, đường mk, quận hbt, Thành phố Hà Nội

40. Ông Nguyễn Độc L và bà Nguyễn Thu H (vắng mặt)

Địa chỉ: 702 PVT, Phường 7, quận GV, Thành phố Hồ Chí Minh.

41. Ông Nguyễn Chí C, sinh năm: 1954 (vắng mặt)

HKTT: 149-151 LTK, Phường 7, quận TB, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ: 72/1C LVS, Phường 11, quận PN, Thành phố Hồ Chí Minh.

42. Ông Đoàn Thạch V; sinh năm 1981 (vắng mặt)

Địa chỉ: 184 tổ 10, ấp 2, xã TA, huyện LT, tỉnh Đồng Nai

Đại diện theo ủy quyền: Bà Đoàn Thị Thúy L6; sinh năm: 1970 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp 1, xã TA, huyện LT, tỉnh Đồng Nai

43. Ông Lý Di V; sinh năm 1960 (có mặt)

HKTT: 235/66 nkkn, Phường 7, Quận C5, Thành phố Hồ Chí Minh.

Chỗ ở: 66/5 phường HBP, quận B3, Thành phố Hồ Chí Minh.

44. Bà Phạm Thị Nh (vắng mặt)

Địa chỉ: 702 PVT, Phường 7, quận GV, Thành phố Hồ Chí Minh.

45. Bà Nguyễn Trần Ngọc D; sinh năm 1981 (có mặt)

HKTT: 03 đường 14, phường BTT, quận B3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ: D16-03 chung cư KH2, số 360A BVĐ, Phường 1, Quận C4, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người làm chứng:*

1. Ông Tạ Văn M5; sinh năm 1974 (vắng mặt)

Địa chỉ: 88A HV, Phường 9, Quận G9, Thành phố Hồ Chí Minh

2. Bà Lý Thủy Ng, sinh năm: 1986 (vắng mặt)

HKTT: 235/66 NKKN, Phường 7, Quận G8, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ: 66/5 Quốc lộ 13 (cũ), phường HBP, quận B3, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Ông Lê Trường L5, sinh năm: 1976 (vắng mặt)

Địa chỉ: 181 NTĐ, phường BTT, quận B3, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Công ty Cổ phần phát triển E5 (vắng mặt)

Địa chỉ: 185 đường số F5, phường PB, quận B3, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Công ty TNHH xuất nhập khẩu Gió Tây

Địa chỉ: N35-36 đường G5, Phường 25, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Nguyễn H Q (là bị cáo trong vụ án - có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 21/3/2011, Công ty Cổ phần Forex Toàn Cầu (viết tắt là Công ty Toàn Cầu; trụ sở: N35-N36, đường D2, Phường 25, quận B Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh) được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận

đăng ký doanh nghiệp số 0310705095; đại diện theo pháp luật: Nguyễn H Q (Tổng Giám đốc). Công ty Toàn Cầu có vốn điều lệ 100 tỷ đồng, trong đó: Nguyễn H Q góp 90 tỷ đồng (chiếm 90% vốn điều lệ), Tạ Văn M7 và Bùi Huy H mỗi người góp 5 tỷ đồng (chiếm 5% vốn điều lệ).

Theo giấy phép kinh doanh, Công ty Toàn Cầu kinh doanh đa ngành nghề: Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính; hoạt động tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính, kế toán); đại lý, môi giới, đấu giá; hoạt động tư vấn quản lý (trừ tư vấn tài chính, kế toán); sản xuất kim loại màu và kim loại quý, chi tiết: Sản xuất và tinh chế kim loại quý, chế tác hoặc không chế tác như vàng, bạc; tổ chức giới thiệu và xúc T thương mại; bán buôn nông, lâm sản Ng2 liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (không hoạt động tại trụ sở); bán buôn kim loại và quặng kim loại, chi tiết: Bán buôn vàng và kim loại quý. Tuy nhiên kết quả điều tra cho thấy khi thành lập Công ty thì Q chỉ có vốn khoảng 300 triệu đồng, việc đăng ký vốn điều lệ cao chỉ nhằm mục đích là để cho những ai tìm hiểu về Công ty sẽ thấy Công ty có vốn điều lệ cao (100 tỷ đồng), có tiềm lực tài chính lớn mạnh, dễ dàng tin tưởng.

Sau khi thành lập Công ty, để có vốn phục vụ cho đầu tư, kinh doanh của Công ty và cá nhân, Nguyễn H Q thông qua các nhân viên cấp dưới gồm: Bùi Huy H (Giám đốc tài chính), Tạ Văn M7 (Giám đốc kinh doanh), L2 Trường Long (Kế toán trưởng), Triệu Thị Bích Hồng (Phụ trách kế toán), Lê Thị Thùy L (Phụ trách kế toán tổng hợp), Lý Thủy Nga (Thủ quỹ) và các nhân viên bộ phận bán hàng T hành tìm kiếm, giới thiệu cho bạn bè, người thân đầu tư vốn vào Công ty. Để khách hàng an tâm, tin tưởng gửi tiền vào Công ty, thuận lợi cho việc huy động vốn, Nguyễn H Q đã cung cấp thông tin cho nhân viên cấp dưới về việc Công ty Toàn Cầu đang hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực kinh doanh vàng, ngoại tệ, đầu tư với các sàn giao dịch trong nước, quốc tế và hoạt động kinh doanh đang có hiệu quả; ngoài ra Q còn cho nhân viên cấp dưới biết Công ty Toàn Cầu đang liên kết làm đại lý cho sàn giao dịch ở Hồng Kông là Công ty Diamond Capital Holding Inc, ký quỹ tại Công ty này hàng triệu đô la Mỹ. Trên cơ sở các thông tin do Q cung cấp, nhân viên Công ty Toàn Cầu đã tư vấn cho khách hàng gửi tiền, cùng với mức lãi suất cao (3,5 - 5%/tháng) và cố định hàng tháng nên nhiều khách hàng đã tin tưởng gửi tiền vào Công ty Toàn Cầu thông qua các Hợp đồng hợp tác giao dịch do Nguyễn H Q trực tiếp ký kết hoặc ủy quyền cho Bùi Huy H ký kết với khách hàng.

Để phục vụ cho hoạt động huy động vốn từ khách hàng, tháng 7/2011 Nguyễn H Q đã chỉ đạo Bùi Huy H thuê Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Công nghệ Phạm Gia (Viết tắt là Công ty Phạm Gia) thiết kế website www.diamond-gfx.com cho Công ty Diamond Capital Holding Inc. Q yêu cầu H thiết kế website này là làm sao để khi truy cập không biết website này được lập tại Việt Nam, phải thể hiện website được tạo lập ở Hồng Kông, với mục đích người tìm kiếm thông tin về Công ty Diamond Capital Holding Inc (thông qua website) tin tưởng là Công ty này có trụ sở tại Hồng Kông; tuy nhiên, Công ty Phạm Gia không thực hiện được việc này mà chỉ cung cấp dịch vụ giấu thông tin người lập và quản trị website, khi có người kiểm tra thông tin của website thì chỉ hiển thị thông tin là website của Công ty Diamond Capital Holding Inc (có địa chỉ tại Room 804, Sino Center, 582-592 Nathan Road, Mongkok Kowloon, Hong Kong). Đồng thời, Nguyễn H Q thuê phần mềm MT4 (phần mềm giao dịch trên sàn hàng hóa quốc tế) của Công ty Meta Quote, thông qua Công ty

Trách nhiệm hữu hạn Thế giới Đầu tư Đại Phát (viết tắt là Công ty Đại Phát) với giá 800 USD/tháng, để được phA quyền mở tài khoản giao dịch, quản trị toàn bộ các hoạt động đầu tư của tài khoản này, làm trung gian thanh toán cho các hoạt động đầu tư. Thông qua phần mềm MT4, Nguyễn H Q, Tạ Văn Minh, Lý Thủy NgA đã tạo các tài khoản cho các nhà đầu tư và quản trị toàn bộ hoạt động trên các tài khoản này. Khi khách hàng ký Hợp đồng ủy thác giao dịch với Công ty Toàn Cầu sẽ được cấp một tài khoản nhưng khách hàng không trực tiếp thực hiện giao dịch trên các tài khoản này; mặt khác để tạo sự an tâm cho các nhà đầu tư tiếp tục gửi tiền, không rút vốn Nguyễn H Q chỉ đạo Lý Thủy NgA tạo các báo cáo giao dịch, thể hiện số tiền đầu tư của khách hàng được giao dịch sinh lãi cao trên tài khoản, hàng tuần gửi eM11 cho khách hàng đã đầu tư.

Trong khoảng thời gian từ ngày 23/5/2011 đến ngày 28/02/2014, Nguyễn H Q trực tiếp (hoặc ủy quyền cho Bùi Huy H) ký kết 984 Hợp đồng hợp tác giao dịch với 116 cá nhA (trong số 984 hợp đồng, có nhiều hợp đồng ký lại do hợp đồng cũ đến hạn, khách hàng không nộp thêm tiền), huy động được tổng số tiền 46.487.076.653 đồng và 133.000 USD (tiền huy động được khách hàng nộp tiền mặt trực tiếp tại bộ phận kế toán Công ty, chuyển khoản vào tài khoản của Công ty hoặc tài khoản cá nhA của Nguyễn H Q); Công ty sử dụng số tiền 18.740.866.415 đồng huy động được của khách hàng sau để trả tiền lãi cho khách hàng trước, chưa thanh toán nợ gốc. Tiền huy động được của các khách hàng do Nguyễn H Q trực tiếp quyết định sử dụng.

Trên Hợp đồng hợp tác giao dịch giữa khách hàng và Công ty có thể hiện một số nội dung: Thời gian tối thiểu cho mỗi lần đầu tư là 03 tháng; số tiền là 220.000.000 đồng; Công ty với uy tín và tài sản của mình nhận sự ủy quyền của khách hàng để kinh doanh hàng hóa, Công ty có trách nhiệm nộp tiền vào tài khoản lỗ 30% trên tổng số vốn đầu tư và có trách nhiệm hoàn trả 100% vốn cho khách hàng sau khi kết thúc hợp đồng, Công ty đưa ra 02 hình thức thỏa thuận cho khách hàng lựa chọn:

(1) Sản phẩm đảm bảo: Trường hợp khách hàng chuyển tiền cho Công ty tự kinh doanh thì Công ty chịu 100% rủi ro nếu hoạt động đầu tư thua lỗ, cam kết trả lại gốc và lãi cố định cho khách hàng từ 3,5%-5%/tháng trên tổng vốn đầu tư tùy theo kết quả đầu tư.

(2) Sản phẩm an toàn: Trường hợp khách hàng cùng Công ty cùng nhau kinh doanh thì Công ty chịu 100% rủi ro nếu hoạt động đầu tư thua lỗ, chia đều lợi nhuận giữa khách hàng và Công ty.

Do không biết về tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty, không biết về cách thức kinh doanh hàng hóa qua sàn giao dịch nên tất cả 116 khách hàng đã lựa chọn “Sản phẩm đảm bảo” là hình thức chuyển tiền cho Công ty Toàn Cầu, để nhận lãi suất cố định mỗi tháng là từ 3,5- 5% trên tổng số tiền gửi, sau khi kết thúc kỳ gửi tiền 03 tháng, sẽ tiếp tục ký kết hợp đồng mới để gia hạn tiền gửi hoặc rút vốn. Khi ký lại hợp đồng mới, có khách hàng gửi thêm tiền nhưng cũng có khách hàng không gửi tiền. Những tháng đầu của hợp đồng gửi tiền, Công ty đã chuyển trả lãi cho khách hàng đầy đủ theo hợp đồng; nhưng sau đó thì không tiếp tục nhận được tiền lãi, tiền gốc như đã thỏa thuận theo hợp đồng nên khách hàng đã đến văn phòng giao dịch của Công ty tìm Nguyễn H Q để đòi thanh toán tiền lãi, rút tiền gốc.

Trên các Hợp đồng hợp tác giao dịch đều thể hiện Công ty sẽ sử dụng tiền của khách hàng để kinh doanh hàng hóa tuy nhiên theo kết quả xác minh tại Chi cục Thuế quận B Thạnh thì doanh số mua bán hàng hóa, dịch vụ phát sinh của Công ty là không đáng kể (doanh số bán hàng năm 2011 là 2.180.000 đồng, năm 2012 là 700.315.680 đồng, năm 2013 không khai báo thuế). Ngày 10/9/2014, Chi cục Thuế quận B Thạnh có thông báo Công ty Toàn Cầu bỏ địa chỉ kinh doanh và còn nợ thuế số tiền 59.596.330 đồng.

Đối với 45 cá nhân (trừ Nguyễn Thị M1 L2) có đơn tố cáo Nguyễn H Q có hành vi lừa đảo chiếm đoạt tổng số tiền góp vốn là 25.337.958.653 đồng. Kết quả điều tra xác định Công ty đã trả lãi, một phần vốn góp cho 45 cá nhân này với tổng số tiền là 8.744.427.935 đồng (có trường hợp là Trịnh Thị Minh Oanh nhận tiền lãi, vốn góp cao hơn số vốn góp ban đầu).

Kết quả xác minh đối với pháp nhân là Công ty Diamond Capital Holding Inc, Hồng Kông như sau: “Diamond Capital Holding Inc” và “Công ty Cổ phần Forex Toàn Cầu” không đăng ký kinh doanh tại Hồng Kông. Tại địa chỉ Room 804, Sino Center, 582-592 Nathan Road, Mongkok Kowloon, Hong Kong cũng không có “Diamond Capital Holding Inc”; đồng thời cả 02 Công ty này cũng không nằm trong dữ liệu của Cảnh sát Hồng Kông.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh, Nguyễn H Q thừa nhận toàn bộ hành vi có liên quan như đã nêu trên; Q đã ủy quyền cho Bùi Huy H trực tiếp ký kết một số Hợp đồng hợp tác kinh doanh, Hợp đồng ủy thác giao dịch với khách hàng. Q khai số tiền huy động được từ khách hàng được sử dụng vào các mục đích như sau: Chi lương, thưởng cho nhân viên của Công ty; chuyển qua Công ty Trách nhiệm hữu hạn Xuất Nhập Khẩu Gió Tây để chi lương, chi tiền mua hàng, chi mua xe ô tô, chi tiền làm phim (do không còn chứng từ nên không thể phân tách cụ thể số tiền đã chi); đầu tư kinh doanh hàng hóa, chứng khoán, ngoại tệ, vàng và dầu thông qua các tài khoản giao dịch mở tại các sàn giao dịch Việt Thắng, sàn Hồng Hối và các sàn nước ngoài như Gol4x, IMMS, Iron Fx, Fx P10-Anh, Alpari-Mỹ, IPS Trander-Belize (số tiền khoảng 12 tỷ đồng nhưng trong đó có khoảng 5 tỷ đồng là giao tiền mặt, chứng từ đã bị thất lạc nên không chứng minh được).

Theo lời khai của 45 bị hại gồm: Phạm Thanh B, Nguyễn Thị Ng, Nguyễn Văn T, La Vinh Tr, Hà M, Đinh Thị M1, Huỳnh Trần Thanh B, Phùng Trọng Th1, Lý Thị Trang Đ, Huỳnh H A, Châu Ngọc A2, Lim Mỹ Ng, Phạm Hữu Trung K2, Nguyễn Trung H2, L2 Kim H2, Trần Thị Bích D2, Phạm Hồng Hải Q, Nguyễn Thị Bạch L2, Tăng Tố Ng, Nguyễn Thị Tuyết Th2, L2 Thị H2, Bùi Quốc T2, Trần Ngọc Y2, Đỗ Thị Minh T2, Từ Thị Kim Ch2, Châu My H2, Nguyễn Văn Đ2, Trần Thủy Ng2, Lý Thị Kim H, Võ H Y2, Bùi Thiên T2, Nguyễn Minh T2, Phạm Thị Tố L2, Phạm Thanh Nh2, Nguyễn Trường S2, Vũ H Quốc T2, Trịnh Thị Minh O2, Phạm Kim T, L2 Mạnh Năm, Nguyễn Thu Hương, Nguyễn Chí C, Đoàn Thạch Vũ, Lý Di Văn, Phạm Thị Nhung và Nguyễn Trần Ngọc Duyên thì thông qua sự giới thiệu của nhân viên Công ty, những người này mới biết về Công ty Toàn Cầu. Trước khi ký hợp đồng, các bị hại không biết và không giao dịch với Nguyễn H Q, chỉ tiếp xúc với các nhân viên của Công ty để được giới thiệu, tư vấn gửi tiền, thỏa thuận mức lãi suất và khi ký hợp đồng thì tiếp xúc với Bùi Huy H. Khi tư vấn, các bị hại được các nhân viên giới thiệu Công ty Toàn Cầu là đại diện của sàn giao dịch có trụ sở tại Hồng Kông và có mua

dịch vụ bảo chứng hàng triệu USD tại Công ty Diamond Capital Holding Inc, Hồng Kông. Các bị hại khai không biết rõ Công ty hoạt động kinh doanh thế nào, nhưng do thấy Công ty có trụ sở bề thế, trả lãi cao, có trường hợp được người thA làm việc tại Công ty này giới thiệu nên đã an tâm tin tưởng ký kết Hợp đồng hợp tác giao dịch, chuyên tiền theo hợp đồng để lấy lãi cố định hàng tháng. Mặc dù ký Hợp đồng hợp tác giao dịch nhưng các bị hại không phải thực hiện bất kỳ một hoạt động nào liên quan đến giao dịch mua bán hàng hóa, không tham gia hợp tác kinh doanh, không trực tiếp kinh doanh, không biết Công ty kinh doanh như thế nào mà chỉ nhận tiền lãi vào mỗi tháng; sau khi ký Hợp đồng, thời gian đầu có nhận được lãi suất đúng như cam kết trong hợp đồng, một số bị hại được Công ty gửi bảng báo cáo kết quả kinh doanh đối với số tiền đầu tư của mình qua thư điện tử cá nhA (eM11), theo các báo cáo này thì hoạt động kinh doanh đều có lãi. Sau khi Công ty không trả lãi, tiền gốc những bị hại đến Công ty để đòi tiền mới gặp Nguyễn H Q, Q cho biết Công ty làm ăn thua lỗ, không có khả năng chi trả.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh, Bùi Huy H (Giám đốc tài chính Công ty Toàn Cầu) thừa nhận toàn bộ nội dung sự việc có liên quan như đã nêu trên và khai: Khoảng cuối năm 2011, H được Nguyễn H Q bổ nhiệm chức danh Giám đốc tài chính, mức lương 8.000.000 đồng/tháng; công việc chính của H là quản lý hành chính - nhA sự, giải đáp thắc mắc tư vấn cho khách hàng, mở tài khoản cho khách hàng tự giao dịch trên phần mềm MT4; H không góp vốn 5% vào Công ty theo giấy phép kinh doanh mà do Q tự đưa vào để hợp thức hóa thủ tục thành lập Công ty. Từ tháng 01/2012 đến tháng 12/2013, H được Q ủy quyền đại diện cho Công ty để ký các Hợp đồng hợp tác giao dịch với các khách hàng; tuy nhiên hoạt động thu chi tiền của Công ty là do Nguyễn H Q tự quyết định, người trực tiếp chi tiền là Lý Thủy NgA; H không biết rõ về hoạt động thu chi tài chính của Công ty, không nắm rõ năng lực tài chính, tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty, không biết cụ thể mối quan hệ của Công ty Toàn Cầu với Diamond Capital Holding Inc, Hồng Kông là như thế nào, không biết Công ty này có thật hay không và hoạt động trong lĩnh vực gì. H chỉ nghe Q nói Công ty Toàn Cầu có ký quỹ 01 triệu USD tại Công ty Diamond Capital Holding Inc, có lần nhìn thấy giấy chứng nhận thể hiện Công ty Toàn Cầu có ký quỹ 01 triệu USD tại Công ty này.

Đối với Tạ Văn M7(Giám đốc kinh doanh): Căn cứ vào các thông tin do Q cung cấp, Minh có hành vi trực tiếp tư vấn cho một số khách hàng là bạn bè, người thA gửi tiền vào Công ty. Kết quả điều tra cho thấy Minh không nắm rõ năng lực tài chính, tình hình hoạt động của Công ty, không trực tiếp chi tiền, không ký Hợp đồng hợp tác giao dịch với khách hàng, không được hưởng lợi đối với số tiền Q chiếm đoạt từ các bị hại nên chưa đủ căn cứ để xử lý về hình sự đối với Tạ Văn Minh.

Đối với Lý Thủy NgA (Thủ quỹ): NgA có nhiệm vụ nhận tiền từ khách hàng đầu tư, ghi chép sổ sách theo dõi và chi tiền theo yêu cầu của Nguyễn H Q hoặc theo chứng từ do bộ phận kế toán chuyển đến; NgA không biết về tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty, bản thA bố mẹ của NgA cũng là bị hại của Nguyễn H Q. Quá trình điều tra, NgA khai: Khi có khách hàng muốn được xem kết quả kinh doanh đối với số tiền đầu tư, Q chỉ đạo NgA làm bảng thông báo kết quả giao dịch gửi cho khách hàng tuy nhiên việc làm các báo cáo này là dựa trên thông tin do phòng kỹ thuật cung cấp,

dữ liệu có sẵn trên phần mềm giao dịch, NgA không chỉnh sửa số liệu; do vậy chưa đủ căn cứ để xử lý về hình sự đối với Lý Thủy NgA.

Đối với L2 Trường Long (Kế toán trưởng): Long có nhiệm vụ là hạch toán kế toán dựa trên chứng từ, không trực tiếp tư vấn cho khách hàng, không ký kết các hợp đồng giao dịch, không quyết định việc chi tiền, không được hưởng lợi từ số tiền Nguyễn H Q chiếm đoạt của các bị hại, do đó chưa đủ căn cứ để xử lý về hình sự đối với L2 Trường Long.

Đối với tố giác của Nguyễn Thị M1 L2: Kết quả điều tra cho thấy ngày 24/3/2014, Tòa án nhA dA quận B Thanh đã có Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 31/2014/QĐST- KDTM, với nội dung công nhận sự thỏa thuận giữa Ng2 đơn bà Nguyễn Thị M1 L2 và bị đơn Công ty Toàn Cầu về việc Công ty Toàn Cầu phải có nghĩa vụ thanh toán số tiền 273.240.000 đồng cho bà Nguyễn Thị M1 L2, Quyết định này đã có hiệu lực pháp luật; ngày 18/11/2014, bà M1 L2 tiếp tục có đơn tố cáo Nguyễn H Q có hành vi chiếm đoạt số tiền 273.240.000 đồng. Do yêu cầu của bà L2 đã được giải quyết bằng một Quyết định đã có hiệu lực pháp luật nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh, Viện kiểm sát nhA dA Thành phố Hồ Chí Minh không đưa bà L2 tham gia tố tụng với tư cách là bị hại trong vụ án.

Tại bản Cáo trạng số 259/CT/VKS-P3 ngày 11/5/2023 của Viện kiểm sát nhA dA Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo Nguyễn H Q, bị cáo Bùi Huy H về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Bị cáo Nguyễn H Q, bị cáo Bùi Huy H thừa nhận hành vi phạm tội của mình và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhA dA Thành phố Hồ Chí Minh giữ Ng2 quan điểm truy tố và đề nghị:

- Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017: xử phạt bị cáo Nguyễn H Q 20 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

- Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017: xử phạt bị cáo Bùi Huy H từ 16 năm đến 18 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo Q phải trả lại số tiền chiếm đoạt cho các bị hại.

Các Luật sư bào chữa cho bị cáo Nguyễn H Q trình bày: Các hợp đồng ký kết giữa các khách hàng và Công ty Forex Toàn Cầu thực chất là hợp đồng hợp tác kinh doanh, khách hàng hoàn toàn tự nguyện khi ký hợp đồng, hồ sơ có 984 hợp đồng nhưng hợp đồng nào cũng có các nội dung cơ bản giống nhau đều lưu ý khách hàng về sự biến động giá cả hàng hóa, nên việc ký kết hợp đồng hợp tác giao dịch, hợp đồng ủy thác với khách hàng không hề có thủ đoạn gian dối. Thực tế, Công ty Forex Toàn Cầu có trả lãi suất cho khách hàng chứng tỏ công ty thực hiện đúng thỏa thuận hợp đồng. Việc bị hại có tiền nhàn rỗi thông qua người trung gian là bạn bè đã chủ

động tìm đến Công ty Forex Toàn Cầu để tìm hiểu ký hợp đồng hợp tác đầu tư, cho thấy không phải bị cáo chủ động tìm đến bị hại để đưa thông tin mà Viện kiểm sát đã cho là gian dối của công ty để bị hại tin mà giao tiền hợp tác cho công ty. Sự việc chỉ bắt đầu khi Công ty Forex Toàn Cầu thua lỗ, không có khả năng thanh toán, nhưng do đây là vụ án kinh doanh thương mại nên đã được Tòa án nhA dA căn cứ vào hợp đồng đã ký giữa khách hàng với công ty để giải quyết. Trường hợp cụ thể là giữa bà Nguyễn Thị M1 L2 và Công ty Forex Toàn Cầu đã được Tòa án nhA dA quận B Thanh thụ lý, giải quyết và đã có Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 31/2014/QĐST-KDTM ngày 24/3/2014 và quyết định này hiện nay vẫn còn hiệu lực; cho nên hành vi của bị cáo Q nếu được xử lý theo vụ án dân sự cũng hoàn toàn phù hợp. Từ đó, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét tuyên phạt bị cáo Q bằng thời gian tạm giam cũng đủ để giáo dục bị cáo, tạo điều kiện cho bị cáo sớm bồi thường cho các bị hại.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Bùi Huy H trình bày: Bị cáo Bùi Huy H chỉ thực hiện công việc theo ủy quyền của người đại diện pháp luật thay mặt Forex Toàn Cầu ký kết hợp đồng, bị cáo hoàn toàn không thực hiện công việc ngoài phạm vi ủy quyền cũng như vượt quá phạm vi ủy quyền, còn quá trình thu chi tiền của nhà đầu tư bị cáo hoàn toàn không hề hay biết và hoàn toàn không được hưởng bất kỳ một lợi ích vật chất nào từ số tiền đầu tư đó ngoại trừ mức lương 8 triệu đồng/tháng. Bị cáo Bùi Huy H thực hiện việc giao kết hợp đồng hoàn toàn theo sự ủy quyền của Nguyễn H Q, bị cáo Bùi Huy H không được hưởng lợi hoặc tư lợi bất kỳ một lợi ích vật chất nào từ số tiền Nguyễn H Q đã chiếm đoạt, thủ tục ký kết hợp đồng của bị cáo diễn ra sau khi khách hàng đã hoàn tất thủ tục đầu tư - nộp tiền vào Forex Toàn Cầu, nên việc ký hợp đồng của bị cáo Bùi Huy H không phải là điểm mấu chốt của hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Như vậy, bị cáo Bùi Huy H chỉ có hành vi phạm tội theo khoản 3 Điều 360 Bộ luật Hình sự là Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng, và áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 - thành khẩn khai báo, điểm x khoản 1 Điều 51 và áp dụng khoản 2 Điều 11 vô ý phạm tội, áp dụng khoản 1, khoản 2 Điều 54 khi quyết định hình phạt đối với hành vi của bị cáo để xem xét quyết định bị cáo Bùi Huy H theo mức hình phạt tại Khoản 2 Điều 360 Bộ luật Hình sự.

- Các bị hại hại Phạm Thanh B, Nguyễn Thị Ng, Nguyễn Văn T, La Vinh Tr, Đinh Thị M1, Huỳnh Trần Thanh B, Phùng Trọng Th1, Lý Thị Trang Đ, Huỳnh H A, Châu Ngọc A2, Lim Mỹ Ng, Phạm Hữu Trung K2, Nguyễn Trung H2, L2 Kim H2, Trần Thị Bích D2, Phạm Hồng Hải Q, Nguyễn Thị Bạch L2, Tăng Tố Ng, Nguyễn Thị Tuyết Th2, L2 Thị H2, Bùi Quốc T2, Từ Thị Kim Ch2, Nguyễn Văn Đ2, Lý Thị Kim H, Võ H Y2, Bùi Thiên T2, Nguyễn Minh T2, Phạm Thị Tố L2, Phạm Thanh Nh2, Nguyễn Trường S2, Vũ H Quốc T2, Trịnh Thị Minh O2, Phạm Kim T, L2 Mạnh Năm, Nguyễn Thu Hương, Nguyễn Chí C, Đoàn Thạch Vũ, Lý Di Văn, Phạm Thị Nhung và Nguyễn Trần Ngọc Duyên cùng trình bày: Yêu cầu bị cáo Nguyễn H Q phải trả lại số tiền theo bảng tính tiền tại cơ quan điều tra.

Các bị hại Châu Ngọc A2, Hà M, Trần Ngọc Y2, Đỗ Thị Minh T2, Châu Mỹ H2, Trần Thủy Ng2 có đơn rút đơn tố cáo và rút yêu cầu bồi thường đối với các bị cáo do đã có nhận một phần tiền lãi và gia đình bị cáo có nộp khắc phục thêm. Tuy nhiên tại phiên tòa, bị hại Châu Mỹ H2 có thay đổi và vẫn giữ yêu cầu bị cáo Nguyễn H Q phải trả số tiền còn lại là 445.300.000 đồng.

Lời nói sau cùng của các bị cáo: Các bị cáo đã ăn năn, hối cải về hành vi của mình, mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhA dA Thành phố Hồ Chí Minh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Quá trình điều và tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn H Q, bị cáo Bùi Huy H không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan T hành tố tụng, người T hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan T hành tố tụng, người T hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Căn cứ vào lời khai nhận tội của bị cáo Nguyễn H Q, bị cáo Bùi Huy H tại phiên tòa cũng như các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có cơ sở xác định:

Thông qua Công ty Toàn Cầu, Nguyễn H Q đã đưa thông tin gian dối về năng lực tài chính của Công ty; Công ty là đại lý đại diện cho một sàn giao dịch tại Hồng Kông và mua dịch vụ bảo chứng với số tiền hàng triệu đô la Mỹ tại Diamond Capital Holding Inc; Công ty hoạt động kinh doanh có hiệu quả trong các lĩnh vực vàng, ngoại tệ, dầu tại các sàn giao dịch trong nước và quốc tế; cam kết sử dụng vốn đầu tư của khách hàng để kinh doanh hàng hóa qua mạng; cam kết về nghĩa vụ thanh toán khi hết hạn hợp đồng (thể hiện trên Hợp đồng hợp tác giao dịch); từ đó tạo niềm tin cho các bị hại là Công ty Toàn Cầu có năng lực tài chính vững mạnh, tin tưởng số tiền đầu tư của mình sẽ được Công ty sử dụng để kinh doanh một cách hiệu quả nên đồng ý ký kết Hợp đồng hợp tác giao dịch, chuyển tiền cho Công ty.

Kết quả điều tra cho thấy đối với các bị hại có đơn tố cáo, Nguyễn H Q chỉ trực tiếp ký 11 Hợp đồng hợp tác giao dịch, 06 phụ lục hợp đồng và 25 giấy cam kết trả nợ; Bùi Huy H trực tiếp ký 128 Hợp đồng hợp tác giao dịch và 28 phụ lục hợp đồng với khách hàng. Tuy nhiên với trách nhiệm là Tổng Giám đốc, đại diện theo pháp luật của Công ty, đồng thời toàn bộ tiền góp vốn của các bị hại đều do Nguyễn Hoàng Q trực tiếp quyết định sử dụng nên Q phải chịu trách nhiệm đối với toàn bộ số tiền chiếm đoạt của 45 bị hại là 25.337.958.653 đồng.

Đối với Bùi Huy H (Giám đốc tài chính): Mặc dù Hoàng khai không biết rõ về năng lực tài chính, tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty, không rõ việc Q sử dụng tiền đầu tư của khách hàng nhưng khi được Q ủy quyền ký hợp đồng, Bùi Huy H đã đại diện cho Công ty trực tiếp ký Hợp đồng thiết kế website, Hợp đồng cung cấp tên miền với Công ty Phạm Gia để thuê thiết kế website (www.diamond-gfx.com) với mục đích thể hiện Công ty Toàn Cầu có năng lực tài chính, có liên kết với Diamond Capital Holding Inc, Hồng Kông; đồng thời H còn trực tiếp ký kết Hợp đồng ủy thác, Hợp đồng hợp tác giao dịch, phụ lục hợp đồng với nhiều khách hàng mà trên hợp đồng đều thể hiện cam kết là “Công ty có uy tín và tài sản, cam kết sử dụng tiền đầu tư để kinh doanh hàng hóa, cam kết Công ty có trách nhiệm hoàn trả

100% vốn cho khách hàng sau khi kết thúc hợp đồng và nộp tiền vào tài khoản lỗ 30% trên tổng số vốn, cam kết sẽ trả lãi suất 3,5%/tháng”; do tin tưởng các nội dung đã được nhA viên của Công ty tư vấn và các cam kết trên các Hợp đồng này, các khách hàng đã chuyển tiền cho Công ty. Như vậy về ý thức chủ quan, tại thời điểm ký hợp đồng với các khách hàng, Bùi Huy H đã bất chấp hậu quả xảy ra và từ 128 hợp đồng, 28 phụ lục hợp đồng do Hoàng trực tiếp ký với khách hàng, H đã giúp sức cho Nguyễn H Q chiếm đoạt của 39 bị hại với tổng số tiền là 23.262.958.653 đồng.

Căn cứ Nghị quyết 41/2017/QH14 của Quốc Hội về việc thi hành Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 12/2017/QH14, nên áp dụng Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 để truy tố và xét xử đối với bị cáo Nguyễn H Q và Bùi Huy H là phù hợp.

Hành vi của các bị cáo là đồng phạm giản đơn, bị cáo Nguyễn H Q giữ vai trò chủ mưu và cùng bị cáo Bùi Huy H thực hiện tội phạm. Hành vi của bị cáo Nguyễn H Q, bị cáo Bùi Huy H đã cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, tội phạm và hình phạt quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Viện Kiểm sát nhA dA Thành phố Hồ Chí Minh truy tố các bị cáo theo tội danh và điều luật trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

Lập luận này cũng là quan điểm không chấp nhận ý kiến của các Luật sư bào chữa cho các bị cáo.

Hành vi của bị cáo Nguyễn H Q, bị cáo Bùi Huy H là đặc biệt nghiêm trọng và rất nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ nên cần phải xử lý nghiêm để cải tạo, giáo dục đối với bị cáo và răn đe phòng ngừa chung cho xã hội.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo phạm tội nhiều lần, phải chịu tình tiết tăng nặng theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo, đã thu hồi được một phần tài sản bị chiếm đoạt trả lại cho các bị hại, được 05 bị hại gồm: Trần Ngọc Y2, Đỗ Thị Minh T2, Hà M, Châu Ngọc A2 và Trần Thủy Ng2 làm đơn xin rút yêu cầu lấy lại số tiền bị chiếm đoạt; được xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

Bị cáo Bùi Huy Hoàng có cha là Bùi Đăng Nùng và mẹ là Lương Thị Hồng L2, được tặng thưởng HuA chương kháng chiến chống Mỹ hạng nhất; được xem xét áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Nguyễn H Q phải bồi thường số tiền đã chiếm đoạt cho các bị hại sau khi trừ lại số tiền mà các bị hại đã nhận trước đó.

Các bị hại Trần Ngọc Y2, Đỗ Thị Minh T2, Hà M, Châu Ngọc A2 và Trần Thủy Ng2 xin rút yêu cầu lấy lại số tiền bị chiếm đoạt, yêu cầu này là tự nguyện và phù hợp pháp luật nên được chấp nhận.

Đối với đơn tố giác của bà Nguyễn Thị M1 L2 (đã chết): Ngày 24/3/2014, Tòa án nhA dA quận B Thạnh đã có Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 31/2014/QĐST-KDTM, với nội dung công nhận sự thỏa thuận giữa Ng2 đơn

bà Nguyễn Thị M1 L2 và bị đơn Công ty Toàn Cầu về việc Công ty Toàn Cầu phải có nghĩa vụ thanh toán số tiền 273.240.000 đồng cho bà Nguyễn Thị M1 L2, do yêu cầu của bà L2 đã được giải quyết bằng một Quyết định đã có hiệu lực pháp luật nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh, Viện kiểm sát nhA dA Thành phố Hồ Chí Minh không đưa bà L2 tham gia tố tụng với tư cách là bị hại trong vụ án là phù hợp.

[6] Về án phí: Bị cáo Nguyễn H Q và Bùi Huy H phải nộp án phí hình sự sơ thẩm; bị cáo Nguyễn H Q phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- Xử phạt bị cáo **Nguyễn H Q** 18 (mười tám) năm tù, về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày 05/5/2020.

2. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm g khoản 1 Điều 52, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- Xử phạt bị cáo **Bùi Huy H** 12 (mười hai) năm tù, về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày 12/10/2020.

Buộc bị cáo Nguyễn H Q bồi thường cho các bị hại số tiền là:

1. Phạm Thanh B: 356.767.065 (ba trăm năm mươi sáu triệu bảy trăm sáu mươi bảy ngàn không trăm sáu mươi lăm) đồng;
2. Nguyễn Thị Ng: 198.650.000 (một trăm chín mươi tám triệu sáu trăm năm mươi ngàn) đồng;
3. Nguyễn Văn T: 39.500.000 (ba mươi chín triệu năm trăm ngàn) đồng;
4. La Vinh Tr: 158.400.000 (một trăm năm mươi tám triệu bốn trăm ngàn) đồng;
5. Đinh Thị M1: 181.500.000 (một trăm tám mươi một triệu năm trăm ngàn) đồng;
6. Huỳnh Trần Thanh B: 435.250.000 (bốn trăm ba mươi lăm triệu hai trăm năm mươi ngàn) đồng;
7. Phùng Trọng Th1: 224.400.000 (hai trăm hai mươi bốn triệu bốn trăm ngàn) đồng;
8. Lý Thị Trang Đ: 353.650.000 (ba trăm năm mươi ba triệu sáu trăm năm mươi ngàn) đồng;
9. Huỳnh H A: 65.500.000 (sáu mươi lăm triệu năm trăm ngàn) đồng;
10. Lim Mỹ Ng: 200.200.000 (hai trăm triệu hai trăm ngàn) đồng;
11. Phan Hữu Trung K2: 104.500.000 (một trăm linh bốn triệu năm trăm ngàn) đồng;

12. Nguyễn Trung H2: 163.300.000 (một trăm sáu mươi ba triệu ba trăm ngàn) đồng;
13. L2 Kim H2: 107.000.000 (một trăm linh bảy triệu) đồng;
14. Trần Thị Bích D2: 275.550.000 (hai trăm bảy mươi lăm triệu năm trăm năm mươi ngàn) đồng;
15. Phạm Hồng Hải Q: 201.375.000 (hai trăm linh một triệu ba trăm bảy mươi lăm ngàn) đồng;
16. Nguyễn Thị Bạch L2: 430.400.000 (bốn trăm ba mươi triệu bốn trăm ngàn) đồng;
17. Tăng Tô Ng: 196.900.000 (một trăm chín mươi sáu triệu chín trăm ngàn) đồng;
18. Nguyễn Thị Tuyết Th2: 711.000.000 (bảy trăm mười một triệu) đồng;
19. L2 Thị H2: 281.600.000 (hai trăm tám mươi một triệu sáu trăm ngàn) đồng;
20. Bùi Quốc T2: 310.000.000 (ba trăm mười triệu) đồng;
21. Từ Thị Kim Ch2: 1.848.283.653 (một tỷ tám trăm bốn mươi tám triệu hai trăm tám mươi ba ngàn sáu trăm năm mươi ba) đồng;
22. Châu My H2: 445.300.000 (bốn trăm bốn mươi lăm triệu ba trăm ngàn) đồng;
23. Nguyễn Văn Đ2: 206.500.000 (hai trăm linh sáu triệu năm trăm ngàn) đồng;
24. Lý Thị Kim H: 100.500.000 (một trăm triệu năm trăm ngàn) đồng;
25. Võ H Y2: 204.500.000 (hai trăm linh bốn triệu năm trăm ngàn) đồng;
26. Bùi Thiên T2: 213.500.000 (hai trăm mười ba triệu năm trăm ngàn) đồng;
27. Nguyễn Minh T2: 220.500.000 (hai trăm hai mươi triệu năm trăm ngàn) đồng;
28. Phạm Thị Tô L2: 321.750.000 (ba trăm hai mươi một triệu bảy trăm năm mươi ngàn) đồng;
29. Phạm Thanh Nh2: 699.380.000 (sáu trăm chín mươi chín triệu ba trăm tám mươi ngàn) đồng;
30. Nguyễn Trường S2 (có bà Trịnh Thị Ngọc Trâm đại diện): 106.880.000 (một trăm linh sáu triệu tám trăm tám mươi ngàn) đồng;
31. Vũ H Quốc T2: 228.650.000 (hai trăm hai mươi tám triệu sáu trăm năm mươi ngàn) đồng;
32. Phạm Kim T: 265.000.000 (hai trăm sáu mươi lăm triệu) đồng;
33. L2 Mạnh Năm: 650.400.000 (sáu trăm năm mươi triệu bốn trăm ngàn) đồng;
34. Nguyễn Thu H5: 545.800.000 đồng (năm trăm bốn mươi lăm triệu tám trăm ngàn) đồng;
35. Nguyễn Chí C: 104.500.000 (một trăm linh bốn triệu năm trăm ngàn) đồng;

36.Đoàn Thạch V (có Đoàn Thị Thúy L2 đại diện ủy quyền): 452.500.000 (bốn trăm năm mươi hai ngàn năm trăm) đồng.

37.Phạm Thị Nh: 1.014.200.000 (một tỷ không trăm mười bốn triệu hai trăm ngàn) đồng;

38.Lý Di V: 33.250.000 (ba mươi ba triệu hai trăm năm mươi ngàn) đồng;

39.Nguyễn Trần Ngọc D: 173.800.000 (một trăm bảy mươi ba triệu tám trăm ngàn) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, Cơ quan Thi hành án dân sự ra quyết định thi hành án, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu các bị cáo chưa thi hành khoản tiền như án đã tuyên thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất phát sinh do chậm thi hành án quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian và số tiền chưa thi hành.

Bị cáo Nguyễn H Q phải nộp 200.000 (hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 120.830.636 (một trăm hai mươi triệu tám trăm ba mươi ngàn sáu trăm ba mươi sáu) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo Bùi Huy H phải nộp 200.000 (hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, các đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- | | |
|--------------------------------|------|
| - TAND tối cao; | (1) |
| - TAND cấp cao tại TP.HCM; | (1) |
| - VKSND TP.HCM; | (3) |
| - Phòng PV06 - Công an TP.HCM; | (1) |
| - Bị cáo; | (2) |
| - Đương sự; | (50) |
| - Cục THA Dân sự TP.HCM; | (1) |
| - THA Hình sự; | (1) |
| - UBND nơi bị cáo cư trú; | (2) |
| - Sở Tư pháp TP.HCM; | (1) |
| - Lưu, Tòa Hình sự, hồ sơ (77) | (11) |

Phạm Uyên Thy

